

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN MỐI LIÊN KẾT GIỮA DOANH NGHIỆP VÀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC: MỘT NGHIÊN CỨU TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Thu Hằng

Trường Đại học Bách Khoa, ĐHQG-HCM

(Bài nhận ngày 04 tháng 04 năm 2011, hoàn chỉnh sửa chữa ngày 11 tháng 09 năm 2011)

TÓM TẮT: Nghiên cứu nhằm nhận dạng các nhân tố tác động thúc đẩy hoặc kìm hãm đến mối liên kết giữa doanh nghiệp với trường đại học, đối tượng điều tra khảo sát gồm 269 doanh nghiệp ở thành phố Hồ Chí Minh. Qua nghiên cứu đã rút ra 4 nhóm nhân tố ảnh hưởng đến liên kết giữa doanh nghiệp và trường. Trong đó có 2 nhóm nhân tố có ảnh hưởng thúc đẩy liên kết là nhân tố hoàn cảnh và nhân tố tổ chức, 2 nhóm nhân tố có ảnh hưởng kìm hãm mối liên kết là khác biệt về đặc điểm hoạt động và nhận thức của doanh nghiệp về trường đại học. Nghiên cứu đã bổ sung một thang đo toàn diện hơn trong nhóm nhân tố khác biệt về đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp ảnh hưởng đến việc thực hiện mối liên kết giữa doanh nghiệp và trường. Kết quả của nghiên cứu nhằm nâng cao việc thực hiện liên kết giữa doanh nghiệp và các trường đại học trong giai đoạn hiện nay.

Từ khóa: Hình thức liên kết, nhân tố thúc đẩy, nhân tố kìm hãm.

1. GIỚI THIỆU

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu, mối liên kết giữa doanh nghiệp với trường đại học nếu được khai thác và tổ chức tốt sẽ đem lại được những kết quả vô cùng to lớn, không những giúp cho từng tổ chức đạt được mục tiêu hoạt động mà còn góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh của quốc gia. Hiện nay, mối liên kết giữa hai tổ chức này tại Việt Nam vẫn còn chưa phát huy được hết thế mạnh của mình cũng như chưa khai thác hết được lợi thế gia tăng từ việc tận dụng sự phối hợp sức mạnh của hai tổ chức này trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Do đó, việc nghiên cứu: “*Các nhân tố ảnh hưởng đến mối liên kết giữa doanh nghiệp và trường đại học: một nghiên cứu tại Thành phố Hồ Chí Minh.*” là cần thiết nhằm phát triển mối quan hệ bền vững và đôi bên cùng có lợi giữa doanh nghiệp và trường, qua đó giúp doanh nghiệp hoạt động ngày càng hiệu quả và tạo nguồn lực, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Trong bài báo này, sẽ tập trung phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến mối liên kết giữa doanh nghiệp với trường đại học theo cách nhìn của một số doanh nghiệp trên địa bàn TP.HCM, qua đó xác định các yếu tố tác động mạnh đến liên kết để làm cơ sở xây dựng các giải pháp nhằm phát triển mối liên kết giữa doanh nghiệp và trường đại học.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

Những nhân tố ảnh hưởng đến mối liên kết giữa doanh nghiệp và trường đại học -

Những nhân tố ảnh hưởng thúc đẩy mối liên kết

Các nhân tố tạo nên sự thành công cho liên kết có thể chia thành hai nhóm: các nhân tố liên quan đến hoàn cảnh và các nhân tố liên quan đến tổ chức trong quá trình hợp tác.

Nhân tố liên quan đến hoàn cảnh (nhân tố hoàn cảnh) bao gồm các nhân tố thành phần:

Mối quan hệ thân thiết sẵn có giữa hai bên, đạt được từ những hợp tác trong quá khứ giữa doanh nghiệp với các đơn vị khác. Kết quả đạt được cùng những kinh nghiệm tích lũy được trong quá trình hợp tác, sẽ giúp cho doanh nghiệp tiếp tục lựa chọn đối tác này và việc hợp tác sẽ có nhiều triển vọng thành công [1, 15]. Từ mối quan hệ thân thiết và kinh nghiệm hợp tác càng tốt trong quá khứ càng giúp nâng cao kết quả liên kết giữa các đối tác [10, 5, 8].

Uy tín/ danh tiếng của đối tác, danh tiếng ở đây có thể là danh tiếng chung của đối tác như đối tác là một doanh nghiệp hay tổ chức nghiên cứu có uy tín hay có thể là danh tiếng các nhà nghiên cứu của đối tác khi đối tác là chuyên gia giỏi trong một số chuyên mục của dự án, nhóm làm việc của dự án bao gồm các nhà nghiên cứu có uy tín [4, 8].

Xác định được mục tiêu một cách rõ ràng, các mục tiêu phải được định nghĩa rõ ràng và chính xác. Ngoài ra, để đạt được thành công, cần phải đảm bảo rằng mục tiêu khi tiến hành liên kết có thể được định nghĩa và đo lường được [2, 18]. Khi thực hiện liên kết cần phải lựa chọn mục tiêu và các hoạt động phù hợp

với chuyên môn và đặc trưng văn hóa của các đối tác tham gia [7, 17].

Khả năng/ năng lực từng bên khi tham gia vào hợp tác liên quan đến mức độ hợp tác của các đối tác trong giai đoạn thiết kế và lập kế hoạch của dự án, khả năng giải quyết các vấn đề liên quan đến kỹ thuật hay điều kiện làm việc [11, 10, 5, 8]. Ngoài ra, mối liên kết giữa doanh nghiệp với trường đại học thành công, đạt được “giá trị gia tăng” hay không sẽ phụ thuộc vào trình độ sẵn có của doanh nghiệp thông qua trình độ nguồn nhân lực, kinh nghiệm hoạt động và khả năng khai thác và áp dụng các giải pháp để giải quyết vấn đề của doanh nghiệp, cũng như khả năng nghiên cứu về phía trường đại học [6, 16].

Nhân tố liên quan đến tổ chức (nhân tố tổ chức) được đề cập bao gồm các cam kết, thỏa thuận giữa hai bên và khả năng đàm phán, giao tiếp, truyền đạt thông tin giữa các đối tác khi thực hiện liên kết [12, 8].

Cam kết giữa hai bên, liên quan đến các cấp điều hành như cam kết của các nhà điều hành cấp cao tham gia hỗ trợ cho dự án, hay cam kết của các nhà kỹ thuật. Cam kết của các nhà quản lý cấp cao khi hình thành liên kết rất quan trọng, không những đảm bảo giúp cho liên minh nhận được nguồn lực cần thiết, mà còn tạo giá trị cho cả hai đối tác [7].

Khả năng đàm phán, giao tiếp, truyền đạt thông tin, giao tiếp hiệu quả giữa các đối tác cũng góp phần quan trọng tạo nên sự thành công của việc liên kết [18]. Xây dựng được một hệ thống thông tin thích hợp và truyền đạt thành công giữa các đối tác chính là nền tảng tạo nên sự thành công khi hợp tác giữa các bên [12, 11, 5, 8]. Khả năng giao tiếp, truyền đạt thông tin còn liên quan đến tần suất liên lạc và nội dung giao tiếp qua chia sẻ thông tin bí mật với đối tác, cung cấp những thông tin mà đối tác cần cũng như đối tác cung cấp những thông tin mà chúng ta cần [8].

Những nhân tố ảnh hưởng kim hãm mối liên kết

Vấn đề kim hãm làm giảm mối liên kết giữa doanh nghiệp và trường có thể chia thành hai nhân tố chính là do đặc điểm hoạt động của từng tổ chức và nhận thức về hoạt động của đối tác trên những vấn đề không phù hợp với quan điểm của mình [3, 4, 13]. Trong nghiên cứu, do đối tượng khảo sát chính là doanh nghiệp nên

nhân tố thứ hai sẽ tập trung vào nhận thức của doanh nghiệp về trường.

Khác biệt về đặc điểm hoạt động

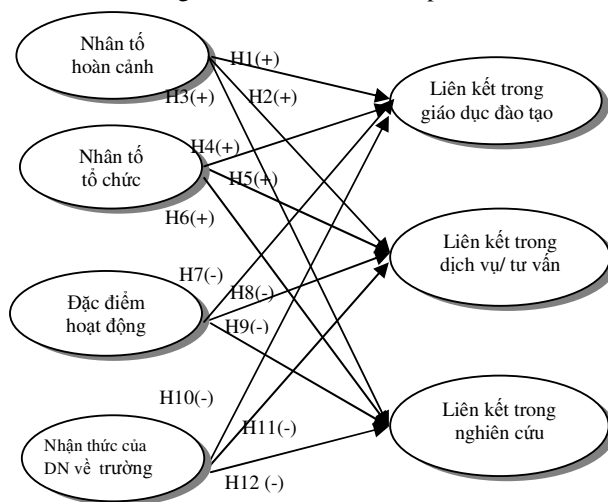
Một số đặc điểm hoạt động khác nhau giữa doanh nghiệp và trường trở thành rào cản gây khó khăn cho việc hợp tác giữa hai đối tác này. Ngoài ra, tồn tại sự khác nhau giữa môi trường làm việc nghiên cứu khoa học, giảng dạy của trường với môi trường kinh doanh của doanh nghiệp. Trong khi nghiên cứu khoa học, giảng dạy quan tâm đến kiến thức, nghiên cứu, xây dựng lý thuyết, tuân thủ theo các tiêu chuẩn khoa học và các giáo trình giảng dạy thì doanh nghiệp lại thường quan tâm đến lợi nhuận trong ngắn hạn, doanh số bán, hiệu quả kinh doanh và sự hài lòng của khách hàng [3, 19, 20]. Như vậy, các cơ sở đào tạo có nhiệm vụ tạo ra và truyền bá kiến thức, trong khi doanh nghiệp cần tạo ra sản phẩm và dịch vụ trong môi trường cạnh tranh ngày càng gay gắt [9, 22] đã đưa ra “các doanh nghiệp hiện nay đều thực hiện mục tiêu ngắn hạn theo quý thì các tổ chức nghiên cứu/ đào tạo lại theo mục tiêu dài hạn”. Thêm vào đó các đối tác cũng có thể khác biệt nhau về văn hóa, ngôn ngữ và giá trị mà nó có thể tạo ra những vấn đề khi giao tiếp [13].

Nhận thức của doanh nghiệp về trường

Hầu hết các doanh nghiệp quan tâm đến nghiên cứu ứng dụng nhằm giúp họ sản xuất cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho thị trường. Trường đại học hay các thành viên của trường lại quan tâm đến nghiên cứu cơ bản và những đóng góp về kiến thức theo hình thức khái niệm, mô hình mới hay những phát minh dựa vào kinh nghiệm, kỹ thuật đo lường hay những mục tiêu liên quan khác. Hơn nữa, tại một số trường đại học phòng thí nghiệm, thiết bị nghiên cứu còn lạc hậu, không phù hợp nhu cầu đổi mới của doanh nghiệp [3, 21]. Điều này làm cho doanh nghiệp không thấy được (cảm nhận được) lợi ích của mình sẽ đạt được khi liên kết với nhà trường [9]. Các nhà nghiên cứu của trường còn thiếu động cơ thúc đẩy và kỹ năng khi nghiên cứu phát triển sản phẩm theo nhu cầu của doanh nghiệp. Vì vậy, doanh nghiệp cho rằng những nghiên cứu của trường đại học là quá thiên về lý thuyết, không phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp [3]. Đối với doanh nghiệp, họ cần tạo ra lợi thế hơn các đối thủ cạnh tranh nhằm tạo lợi nhuận ngày càng tăng qua hoạt động đổi mới công nghệ và nâng cao trình độ nguồn nhân lực. Và về phía trường

đại học lại liên quan nhiều hơn đến cộng đồng qua việc truyền bá kiến thức và tạo lợi ích cho xã hội. Tuy nhiên, trường là tổ chức hoạt động phi lợi nhuận và nhận được vốn từ ngân sách.

Điều này dẫn đến các hoạt động của trường chưa được quảng bá rộng rãi và doanh nghiệp chưa nắm bắt được các thông tin của trường để thiết lập mối liên kết [13, 14, 17].



Hình 1. Mô hình nghiên cứu liên kết giữa doanh nghiệp, trường đại học

2.1. Mô hình nghiên cứu và các giả thuyết

Từ phân tích trong mục 2.1, các giả thuyết được đưa ra:

H1: Nhân tố hoàn cảnh ảnh hưởng dương lên liên kết giữa doanh nghiệp và trường trong giáo dục đào tạo.

H2: Nhân tố hoàn cảnh ảnh hưởng dương lên liên kết giữa doanh nghiệp và trường trong dịch vụ/ tư vấn.

H3: Nhân tố hoàn cảnh ảnh hưởng dương lên liên kết giữa doanh nghiệp và trường trong nghiên cứu

H4: Nhân tố tổ chức ảnh hưởng dương lên liên kết giữa doanh nghiệp và trường trong giáo dục đào tạo.

H5: Nhân tố tổ chức ảnh hưởng dương lên liên kết giữa doanh nghiệp và trường trong dịch vụ/ tư vấn.

H6: Nhân tố tổ chức ảnh hưởng dương lên liên kết giữa doanh nghiệp và trường trong nghiên cứu.

H7: Khác biệt về đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp ảnh hưởng âm lên liên kết giữa doanh nghiệp và trường trong giáo dục đào tạo.

H8: Khác biệt về đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp ảnh hưởng âm lên liên kết giữa doanh nghiệp và trường trong dịch vụ/ tư vấn.

H9: Khác biệt về đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp ảnh hưởng âm lên liên kết giữa doanh nghiệp và trường trong nghiên cứu.

H10: Nhận thức của doanh nghiệp về trường ảnh hưởng âm lên liên kết giữa doanh nghiệp và trường trong giáo dục đào tạo.

H11: Nhận thức của doanh nghiệp về trường ảnh hưởng âm lên liên kết giữa doanh nghiệp và trường trong dịch vụ/ tư vấn.

H12: Nhận thức của doanh nghiệp về trường ảnh hưởng âm lên liên kết giữa doanh nghiệp và trường trong nghiên cứu.

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu này bao gồm hai bước chính: (1) nghiên cứu sơ bộ và (2) nghiên cứu chính thức.

Nghiên cứu sơ bộ được tiến hành qua hai phương pháp định tính và định lượng. Thực hiện phương pháp định tính qua kỹ thuật thảo luận nhóm với một số nhà quản lý nhà nước hiện đang công tác tại ngành giáo dục đào tạo, sở kế hoạch đầu tư (phụ trách khối doanh nghiệp)...cho thấy rằng, ngoài các nhân tố mang tính chất thúc đẩy và kìm hãm, làm giảm liên kết giữa doanh nghiệp và trường như đã tổng hợp được từ cơ sở lý thuyết và các nghiên cứu có trước, các nhà quản lý cho rằng đối với các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay, còn có thêm một số tác nhân khác cần bổ sung liên

quan đến đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp, đó chính là: (1) Doanh nghiệp chưa nhận thức được nguồn nhân lực chất lượng cao là vấn đề quyết định tạo ưu thế cho doanh nghiệp; (2) Doanh nghiệp chưa nhận thức được cạnh tranh hiện nay phải dựa vào công nghệ mà chỉ dựa trên lao động rẻ, thị trường khai thác rẻ và (3) Doanh nghiệp Việt Nam hiện nay không sản xuất sản phẩm sau cùng, không thiết kế sản phẩm mà thường sản xuất nguyên liệu đầu vào, làm trung gian trong quá trình sản xuất.

Sau đó với các vấn đề này, tiếp tục thảo luận với một số nhà quản lý doanh nghiệp (thuộc các hình thức sở hữu chính là doanh nghiệp nhà nước, công ty cổ phần, công ty TNHH một thành viên), đa số các nhà quản lý doanh nghiệp đều thấy rằng đây là các vấn đề xảy ra ít nhiều trong doanh nghiệp của mình. Vì vậy trong điều tra khảo sát, 3 yếu tố trên sẽ được xem xét. Bước tiếp theo là tiến hành nghiên cứu sơ bộ qua 78 doanh nghiệp trên địa bàn TP.HCM. Kết quả của nghiên cứu định lượng sơ bộ bằng phương pháp EFA và hệ số tin cậy Cronbach's alpha cho thấy các thang đo đều đạt yêu cầu về tính đơn hướng, độ tin cậy và độ giá trị. Và các biến quan sát được tiếp tục sử dụng trong nghiên cứu chính thức.

Nghiên cứu chính thức sẽ được thực hiện bằng phương pháp nghiên cứu định lượng với 269 doanh nghiệp trên địa bàn TP.HCM, dùng kỹ thuật thu thập dữ liệu qua thăm dò bằng câu hỏi bằng cách gửi qua người quen, sinh viên đi điều tra, qua chỉ cục thuế của quận và tới lớp học lý luận chính trị cao cấp của Học viện Chính trị Quốc gia. Đối tượng trả lời bằng câu hỏi là các nhà quản lý doanh nghiệp. Mục đích của nghiên cứu này nhằm xác định các nhân tố thành phần và mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đối với việc hình thành liên kết hợp tác giữa doanh nghiệp với trường. Sau đó, khẳng định lại các thành phần cũng như giá trị và độ tin cậy của các thang đo và kiểm định mô hình lý thuyết. Phương pháp phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính SEM được sử dụng nhờ phần mềm AMOS để kiểm định thang đo và mô hình nghiên cứu.

4. PHÂN TÍCH KẾT QUẢ

4.1. Mô tả mẫu

Qua điều tra khảo sát các doanh nghiệp sản xuất và dịch vụ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh có 269 bảng câu hỏi đạt yêu cầu và có thể sử dụng vào phân tích. Trong đó hình thức sở

hữu khi mới thành lập đa số là công ty TNHH (40%) và doanh nghiệp nhà nước (32%). Tuy nhiên, hiện nay đã chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp nhà nước (chỉ còn 20%) sang công ty cổ phần chiếm 25% (khi mới thành lập là 7.5%). Phần lớn các doanh nghiệp được điều tra đều có qui mô tương đối lớn, phù hợp với các yêu cầu khi thực hiện điều tra khảo sát. Ba vấn đề mà các doanh nghiệp thường quan tâm nhất hiện nay là đầu tư cải tiến công nghệ, trang thiết bị (52.9%), nâng cao trình độ tay nghề cho người lao động tại doanh nghiệp (39%), và tiếp thị mở rộng thị trường trong nước (21.8%). Như vậy để giúp doanh nghiệp đáp ứng được mối quan tâm hiện nay, giải pháp tiến hành liên kết với các trường đại học là vô cùng hợp lý.

4.2. Kết quả kiểm định

Phân tích nhân tố khám phá EFA (Exploratory Factor Analysis).

Kết quả EFA (bảng 1) có điểm dừng khi trích các nhân tố có eigenvalue ≥ 1 (kết quả dao động từ 1.622 đến 3.641) với phương sai trích dao động từ 72.396% đến 81.090% (>50%). Các hệ số tải nhân tố (factor loading) dao động từ .814 đến .901 (>.40). Hệ số tin cậy Cronbach's alpha của thang đo dao động từ .767 đến .906(>.60). Các. Sau khi kiểm định bằng EFA, tất cả các biến quan sát trong các thang đo đều đạt yêu cầu về tính đơn hướng, độ tin cậy và độ giá trị hội tụ và sẽ được tiếp tục kiểm định bằng phương pháp phân tích nhân tố khẳng định CFA cùng kiểm định độ giá trị phân biệt.

Phân tích nhân tố khẳng định CFA (Confirmatory factor Analysis)

Thang đo nhân tố hoàn cảnh, nhân tố tổ chức, nhân tố khác biệt về đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp và nhân tố nhận thức của doanh nghiệp về trường đại học: Trong phân tích CFA, kết quả cho thấy chi-bình phương là 43.658; $p = 1.000$; $df = 84$; chi-bình phương / $df = .520$; $TLI = 1.000$; $CFI = 1.000$; $RMSEA = .000$. Kết quả này khẳng định tính đơn hướng của các thang đo: nhân tố hoàn cảnh, nhân tố tổ chức, nhân tố khác biệt về đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp và nhân tố nhận thức của doanh nghiệp về trường đại học. Độ tin cậy tổng hợp của thang đo nhân tố hoàn cảnh là .87 với phương sai trích được là 63.50%; của thang đo nhân tố tổ chức là .76 với phương sai trích là 62%; của thang đo nhân tố khác biệt về đặc

điểm hoạt động của doanh nghiệp là .89 với phương sai trích là 67.50% và của nhân tố nhận thức của doanh nghiệp về trường đại học là .91 với phương sai trích là 66.20%. Như vậy các thang đo này đều đạt yêu cầu về độ tin cậy và phương sai trích.

Thang đo chung kiểm định giá trị phân biệt giữa các khái niệm nghiên cứu: Kết quả cho thấy mô hình có chi-bình phương là 325.768; $p=1.000$; $df=566$; chi-bình phương / $df=.576$

TLI = 1.054; CFI = 1.000; RMSEA = .000. Các chỉ số thống kê trên cho phép kết luận, mô hình đạt độ thích hợp tốt với bộ dữ liệu khảo sát.

Hệ số tương quan giữa các cặp khái niệm nghiên cứu có trị tuyệt đối dao động từ .363 đến .776. Các giá trị này đều khác 1 với mức ý nghĩa $p=.000$. Hay nói cách khác, các khái niệm nghiên cứu đạt được giá trị phân biệt (bảng 2).

Bảng 1. Kết quả phân tích nhân tố khám phá EFA và giá trị trung bình các nhân tố ảnh hưởng đến mối liên kết giữa doanh nghiệp và trường đại học

Nhóm nhân tố	Biểu quan sát	Mean	Std.	Hệ số tải	Eigenvalue	Tổng phương sai trích	Cronbach's alpha
Nhân tố hoàn cảnh	Quan hệ thân thiết, kinh nghiệm trong quá trình hợp tác từ trước	2.959	1.310	.888	2.896	72.396%	.872
	Uy tín/ danh tiếng của đối tác	2.941	1.217	.814			
	Có mục tiêu rõ ràng khi hợp tác	2.829	1.203	.823			
	Khả năng/ năng lực thực hiện	2.899	1.188	.876			
Nhân tố tổ chức	Cam kết/ thỏa thuận giữa 2 bên	3.342	1.197	.901	1.622	81.090%	.767
	Khả năng đàm phán, giao tiếp, truyền đạt thông tin	3.048	1.185	.901			
Nhân tố khác biệt về đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp (DN)	DN chưa có chiến lược dài hạn về phát triển công nghệ và nhân lực do phải đối phó với những vấn đề kinh doanh trước mắt	2.788	1.198	.872	3.023	75.567%	.891
	DN không quan tâm đến việc sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao tạo ưu thế cho DN	2.866	1.331	.856			
	DN cạnh tranh hiện nay dựa trên lao động rẻ, thị trường khai thác rẻ hơn là dựa vào công nghệ	2.851	1.260	.876			
	DN không sản xuất sản phẩm sau cùng, không thiết kế sản phẩm mà thường sản xuất nguyên liệu đầu vào, trung gian trong sản xuất	2.732	1.282	.873			
Nhân tố nhận thức của DN về trường đại học	DN cho rằng nghiên cứu của trường thiên về lý thuyết, không phù hợp với nhu cầu của DN	3.044	1.254	.860	3.641	72.810%	.906
	DN không thấy được (cảm nhận được) lợi ích của các hoạt động liên kết với nhà trường	3.048	1.278	.874			
	DN chưa biết nhiều về hoạt động của trường do thông tin của trường không được quảng bá rộng rãi	3.122	1.297	.858			
	DN cho rằng kiến thức của sinh viên hay chương trình đào tạo của nhà trường không phù hợp với nhu cầu DN	3.070	1.257	.858			
	Phòng thí nghiệm, thiết bị nghiên cứu của trường còn lạc hậu, không phù hợp nhu cầu của DN	2.955	1.289	.815			

Bảng 2. Kết quả kiểm định giá trị phân biệt giữa các khái niệm trong mô hình liên kết doanh nghiệp và trường đại học

Mối quan hệ		r	CR (r)	SE	(1-r)	(1-r)/SE	p	
Hoàn cảnh	↔	Tổ chức	.753	7.700	0.098	0.247	2.526	.000
Đặc điểm HĐDN	↔	Tổ chức	-.708	-7.751	0.091	0.292	3.197	.000
Đặc điểm HĐDN	↔	Nhận thức DN về T	.731	5.484	0.133	0.269	2.018	.000
Giáo dục đào tạo	↔	Hoàn cảnh	.630	7.356	0.086	0.370	4.320	.000
Giáo dục đào tạo	↔	Dịch vụ	.588	6.681	0.088	0.412	4.681	.000
Giáo dục đào tạo	↔	Tổ chức	.673	7.156	0.094	0.327	3.477	.000
Giáo dục đào tạo	↔	Đặc điểm HĐDN	-.664	-7.561	0.088	0.336	3.826	.000
Giáo dục đào tạo	↔	Nhận thức DN về T	-.643	-7.212	0.089	0.357	4.004	.000
Giáo dục đào tạo	↔	Nghiên cứu	.465	5.607	0.083	0.535	6.451	.000
Nghiên cứu	↔	Nhận thức DN về T	-.669	-7.049	0.095	0.331	3.488	.000
Nghiên cứu	↔	Đặc điểm HĐDN	-.698	-7.417	0.094	0.302	3.209	.000
Nghiên cứu	↔	Hoàn cảnh	.660	7.213	0.092	0.340	3.716	.000
Dịch vụ	↔	Hoàn cảnh	.639	7.108	0.090	0.361	4.016	.000
Dịch vụ	↔	Nghiên cứu	.363	4.403	0.082	0.637	7.726	.000
Đặc điểm HĐDN	↔	Hoàn cảnh	-.776	-8.337	0.093	0.224	2.407	.000
Nhận thức DN về T	↔	Hoàn cảnh	-.772	-8.020	0.096	0.228	2.369	.000
Nhận thức DN về T	↔	Tổ chức	-.718	-7.238	0.099	0.282	2.843	.000
Dịch vụ	↔	Đặc điểm HĐDN	-.671	-7.291	0.092	0.329	3.575	.000
Dịch vụ	↔	Nhận thức DN về T	-.657	-7.013	0.094	0.343	3.661	.000
Dịch vụ	↔	Tổ chức	.683	6.926	0.099	0.317	3.215	.000
Nghiên cứu	↔	Tổ chức	.689	6.926	0.099	0.311	3.126	.000

Phân tích cấu trúc tuyến tính SEM (Structural Equation Model)

Kết quả kiểm định (bảng 3) cho thấy nhân tố hoàn cảnh và tổ chức có tác động tích cực, thúc đẩy mối liên kết giữa doanh nghiệp và trường. Còn sự khác biệt về đặc điểm hoạt động và nhận thức của doanh nghiệp về trường, viện có ảnh hưởng kìm hãm mối liên kết. Kết hợp với kết quả giá trị trung bình trong bảng 1 (thang đo 5 điểm), các nhân tố có ảnh hưởng thúc đẩy đến mối liên kết, đối với nhóm nhân tố hoàn cảnh, kinh nghiệm trong quá trình hợp tác đã có giữa hai bên cũng như uy tín/ danh tiếng của đối tác sẽ được quan tâm nhiều hơn khi doanh nghiệp liên kết với trường, các doanh nghiệp có khuynh hướng lựa chọn các trường đại học có uy tín/ danh tiếng để thiết lập mối quan hệ với mong muốn giúp họ giải quyết được các vấn đề

của doanh nghiệp trong tuyển chọn nguồn nhân lực và nhà trường thực hiện các dịch vụ tư vấn, nghiên cứu cho doanh nghiệp trong việc thiết kế, sản xuất, lập kế hoạch sản xuất và các dịch vụ liên quan đến cải tiến, sửa chữa máy móc thiết bị. Đối với nhân tố tổ chức, doanh nghiệp đồng ý rằng các nhân tố này cũng có tác động đáng kể đến việc thực hiện liên kết giữa doanh nghiệp và trường qua việc xem xét việc đưa ra những cam kết/ thỏa thuận cũng như khả năng giao tiếp truyền đạt thông tin của đối tác trong quá trình thực hiện liên kết của 2 bên.

Nhận thức của doanh nghiệp về trường đại học ảnh hưởng đã làm hạn chế liên kết giữa hai tổ chức này hơn là yếu tố khác biệt về đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp. Đa phần các doanh nghiệp cho rằng mối liên kết giữa họ và nhà trường còn hạn chế là do doanh nghiệp chưa biết nhiều về hoạt động của trường do các

thông tin về hoạt động và đào tạo của trường không được quảng bá rộng rãi. Ngoài ra các yếu tố khác như doanh nghiệp chưa thấy được (cảm nhận được) lợi ích của các hoạt động liên kết với nhà trường, doanh nghiệp cho rằng kiến thức của sinh viên hay chương trình đào tạo của nhà trường không phù hợp với nhu cầu doanh nghiệp hay doanh nghiệp cho rằng những nghiên cứu của trường đại học là quá thiên về lý thuyết, không phù hợp với nhu cầu

của doanh nghiệp ...đều được đồng ý cho rằng là nguyên nhân kìm hãm mối liên kết này. Liên kết giữa doanh nghiệp và trường đại học còn bị ảnh hưởng do đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp Việt Nam hiện nay chưa quan tâm đến việc sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao làm vấn đề quyết định tạo ưu thế cho doanh nghiệp và doanh nghiệp cạnh tranh thường dựa trên lao động rẻ, thị trường khai thác rẻ hơn là dựa trên cạnh tranh bằng công nghệ.

Bảng 3. Kết quả kiểm định mối quan hệ nhân quả giữa các khái niệm trong mô hình liên kết doanh nghiệp và trường đại học (chuẩn hóa)

Mối quan hệ			ML	S.E	C.R.	p
Giáo dục đào tạo	<---	Hoàn cảnh	.222	.074	3.423	.000
Dịch vụ	<---	Hoàn cảnh	.227	.079	3.306	.000
Nghiên cứu	<---	Hoàn cảnh	.224	.076	3.307	.000
Giáo dục đào tạo	<---	Tổ chức	.250	.098	3.871	.000
Dịch vụ	<---	Tổ chức	.243	.104	3.576	.000
Nghiên cứu	<---	Tổ chức	.222	.100	3.337	.000
Giáo dục đào tạo	<---	Đặc điểm HDDN	-.244	.070	-3.766	.000
Dịch vụ	<---	Đặc điểm HDDN	-.228	.074	-3.333	.000
Nghiên cứu	<---	Đặc điểm HDDN	-.230	.072	-3.395	.000
Giáo dục đào tạo	<---	Nhận thức DN về T	-.262	.077	-4.022	.000
Dịch vụ	<---	Nhận thức DN về T	-.279	.082	-4.037	.000
Nghiên cứu	<---	Nhận thức DN về T	-.234	.078	-3.458	.000

ML: giá trị ước lượng; SE: sai lệch chuẩn; CR: giá trị tới hạn

Kết quả các hệ số hồi qui chuẩn hóa trong bảng 3 còn cho thấy các giả thuyết nêu trong mục 2.2 được ủng hộ bởi bộ dữ liệu khảo sát.

5. KẾT LUẬN

Nghiên cứu đã rút ra 4 nhóm nhân tố ảnh hưởng đến liên kết giữa doanh nghiệp và trường. Trong đó có 2 nhóm nhân tố có ảnh hưởng thúc đẩy liên kết là nhân tố hoàn cảnh và nhân tố tổ chức, 2 nhóm nhân tố có ảnh hưởng kìm hãm mối liên kết là khác biệt về đặc điểm hoạt động và nhận thức của doanh nghiệp về trường đại học. Nghiên cứu đã bổ sung một thang đo toàn diện hơn bao gồm 3 biến quan sát trong nhóm nhân tố khác biệt về đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp ảnh hưởng đến việc thực hiện mối liên kết giữa doanh nghiệp và trường. Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng khi thực hiện liên kết với trường, doanh nghiệp quan tâm nhiều hơn đến kinh nghiệm của các trường thông qua uy tín/ danh tiếng của trường và mối quan hệ sẵn có từ trước để tiếp tục thiết

lập mối quan hệ. Nhân tố mang tính chất kìm hãm mối liên kết doanh nghiệp và trường mạnh nhất là doanh nghiệp tại Việt Nam hiện nay chưa quan tâm đến việc sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao, chủ yếu sử dụng lao động phổ thông, vì vậy chưa thực hiện liên kết nhiều với nhà trường, đặc biệt là trong đào tạo.

Về mặt khoa học, đề tài đã làm rõ sự ảnh hưởng của các nhân tố tác động đến liên kết giữa doanh nghiệp với trường đại học, là cơ sở khách quan để đưa ra các giải pháp phát triển mối quan hệ giữa doanh nghiệp với trường đại học, nhằm tạo nguồn lực, nâng cao năng lực quốc gia.

Về thực tiễn, việc thực hiện liên minh giữa doanh nghiệp và trường đại học nhằm tận dụng nguồn nội lực để nâng cao hiệu quả hoạt động của từng tổ chức cũng như trên phương diện toàn bộ quốc gia sẽ nâng cao được hiệu quả sử dụng tài nguyên, nâng cao năng lực cạnh tranh.

FACTORS THAT AFFECT THE LINKAGE BETWEEN ENTERPRISES AND UNIVERSITIES: A CASE STUDY IN HO CHI MINH CITY

Nguyen Thi Thu Hang

University of Technology, VNU-HCM

ABSTRACT: *This research aims to identify the factors that support and hold back the linkage between enterprises and universities. The subject of investigation and survey of the theoretical model is based on a survey of 269 enterprises in Ho Chi Minh City, Viet Nam. The research identified four factor groups affecting the relationship between enterprises and universities. Among them, two supportive factor groups are context and organization factors; and two inhibitive factor groups are difference in the characteristics of activities and in the perception of enterprises about universities. The research proposed a more complex measuring scale of activity differences affecting the cooperation between enterprises and universities. The aim of the research results is to increase linkage executions between enterprises and universities nowadays.*

Key words: *supportive and inhibitive factors, the linkage between enterprises and universities.*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Aldo Geuna và các cộng sự, (2002), "The Economic Returns to Basic Research and the Benefits of University – Industry Relationships – A literature review and update of findings", *Report for the Office of Science and Technology by Science and Technology Policy Research*.
- [2]. Annamária Inzelt, (2004), "The evolution of university – industry – government relationships during transition", *Research Policy* 33: 975-995.
- [3]. Aaron J. Shenhar (1993), "The PROMIS Project: Industry and University Learning Together", *Int. J. Technology Management*, 8, pp 611-621.
- [4]. Cyert, R., Goodman, P. (1997), "Creating effective university-industry alliances: an organizational learning perspective", *Organizational Dynamics*, 25(4), pp.45.
- [5]. Davenport, S., Davies, J., Grimes, C. (1999a), "Collaborative research programmes: building trust from difference. *Technovation*, 19, pp. 31-40.
- [6]. Elisa Giuliani và Valeria Arza (2008), "What drives the formation of "valuable" University – Industry linkages? An under – explored question in a hot policy debate.", *Science and Technology Policy Research*, paper No. 170.
- [7]. Elmuti, D., Kathawala, Y. (2001), "An overview of strategic alliances", *Management Decision*, 39(3), pp.205-217.
- [8]. Eva M. Mora-Valentin, Angeles Montoro-Sanchez, Luis A. Guerras-Matin, (2004), "Determining factors in the success of R&D cooperative agreements between firms and research organizations", *Research Policy* 33: 17- 40
- [9]. Ervin, D., Lomax, T., Buccola, S., Kim, K., Minor, E., Yang, H., Glenna, L., Jaeger, E., Biscotti, D., Armbruster, W., Clancy, K., Lacy, W., Welsh, R., Xia, Y. (2002), "University-industry relationships: framing the issues for academic research in agricultural biotechnology", available at: www.pewagbiotech.org/research.
- [10]. Geisler, E., (1995), "Industry – university technology cooperation: a theory of inter-organizational relationships". *Technology Analysis & Strategic Management*, 7(2), p.217-229.
- [11]. [Geisler, E., Furino, A., (1993). "University-industry-government cooperation: research horizons". *International Journal of Technology Management*, 8(6), pp.802-810.
- [12]. Gulati, R. (1998), "Alliances and networks", *Strategic Management Journal*, 19, pp. 293-317
- [13]. Kock, N., Auspitz, C., King, B. (2000), "Using the web to enable industry-university collaboration: an action research study of a course partnership", *Information Science*, 3(3), pp.157-66.

- [14]. Loet Leydesdorff, Henry Etzkowitz, (2001), "The Transformation of University – Industry – Government Relations", *Electronic Journal of Sociology* ISSN: 1198 3655.
- [15]. Menguzzato, M. (1992), "The cooperation. An alternative for the industry in the 90s". *Direction and Organization* 4, pp54-62.
- [16]. Robert J.W. Tijssen, (2006), "Universities and industrially relevant science: Towards measurement models and indicators of entrepreneurial orientation", *Research Policy* (2006).
- [17]. Roth, G., Magee, C., (2002), "Corporate-university alliances and engineering systems research", Working Paper Series, Massachusetts Institute of Technology, Engineering Division, Cambridge, MA, available at: www.mit.edu/WPS/ESD.
- [18]. Santoro, M. (2000), "Success breeds success: the linkage between relationship intensity and tangible outcomes in university-industry collaborative ventures", *The Journal of High Technology Management Research*, 11(2), pp.255-73
- [19]. Souder, W.E. (1993), "Getting Together: a State-of-the Art Review of the Challenges and Rewards of Consortia", *Int.J.Technology Management. Vol. 8 No 6/7/8:784-801*
- [20]. Vincent F. –S. Wu, "University – Industry Linkage – The case of Taiwan", *Taiwan, ROC*.
- [21]. Wang Haiyan, Zhou Yuan, Long Kaiyuan, (2006), "University in NIS of China: Evolution, Characteristic and Challenge", *Paper present at "UNIVERSIDAD 2006" 5th International Congress on Higher Education Cuba, 13-17 February*.
- [22]. Woo, D., (2003), "University, industry, and government alliances: escalating conflicts with the public interest", available at: www.pamij.com/8-3/pam8-3-7-woo.pdf.